

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

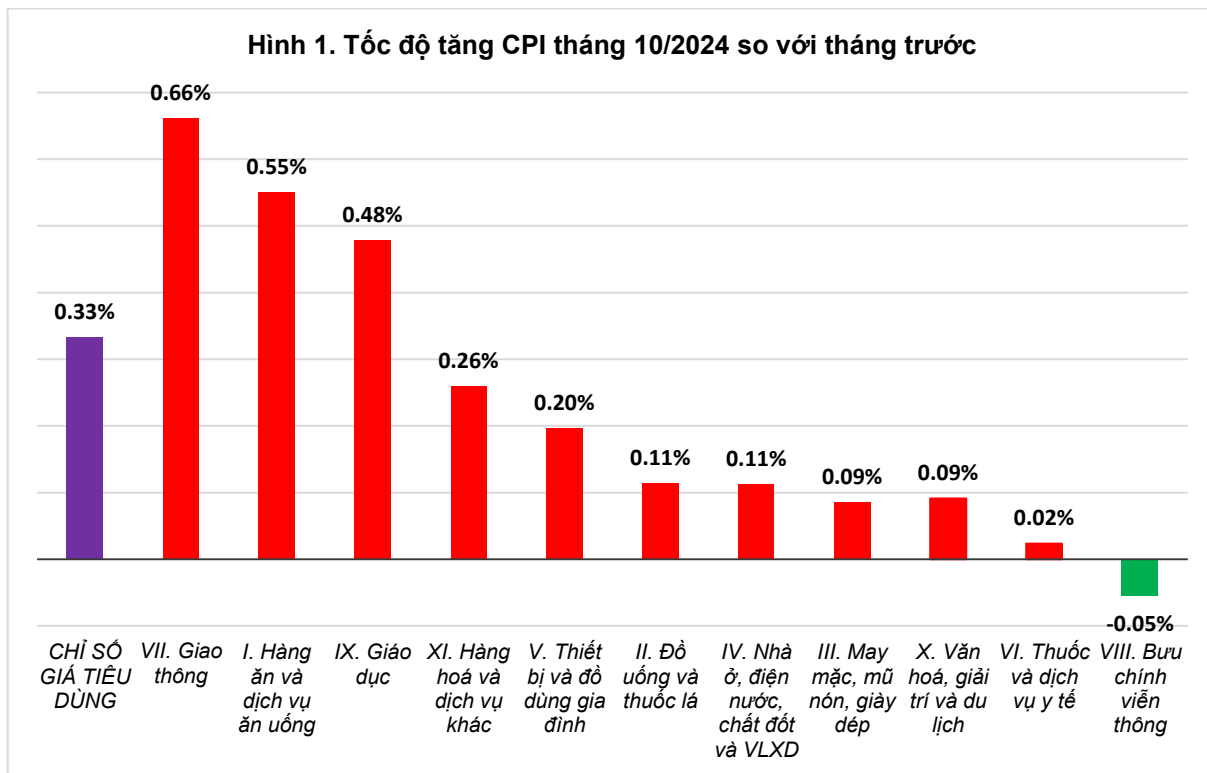
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG MƯỜI VÀ 10 THÁNG NĂM 2024

Giá lương thực, thực phẩm tiếp tục tăng do ảnh hưởng bởi mưa bão, giá xăng dầu trong nước tăng theo giá thế giới, giá nhà ở thuê tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2024 tăng 0,33% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng Mười tăng 2,52% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,89%.

Bình quân 10 tháng năm 2024, CPI tăng 3,78% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 10/2024

So với tháng trước, chỉ số CPI chung cả nước tháng 10/2024 tăng 0,33% (khu vực thành thị tăng 0,38%; khu vực nông thôn tăng 0,28%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 10 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, riêng nhóm bưu chính, viễn thông giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 10/2024 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,55%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 10/2024 tăng 0,55%, tác động làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 0,77%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 0,66%, tác động tăng 0,14 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,19%, tác động tăng 0,01 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,77%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 10/2024 tăng 0,77%, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,79% (Gạo tẻ ngon tăng 0,92%; gạo tẻ thường tăng 0,76%; gạo nếp tăng 0,75%). Giá gạo trong nước tăng do tác động của các đợt mưa bão và giông kéo dài làm ảnh hưởng tới sản lượng gạo.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.900-18.900 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.800-23.900 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.300-24.500 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.100-41.300 đồng/kg.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng lương thực tháng Mười tăng giá như giá khoai tăng 3,52%; ngô tăng 2,46%; sắn tăng 1,46%; bột ngô tăng 1,04%; ngũ cốc ăn liền tăng 1%.

1.2. Thực phẩm (+0,66%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 10/2024 tăng 0,66%, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 3% do nhu cầu tiêu dùng trong tháng tăng trong khi một số loại rau, củ, quả đã cuối vụ và thời tiết mưa, bão, ngập lụt tại nhiều địa phương ảnh hưởng đến nguồn cung. Trong đó, giá bắp cải tăng 8,02%; su hào tăng 7,55%; rau chế biến các loại tăng 4,25%; cà chua tăng 3,33%; rau tươi khác tăng 3,2%; rau muống tăng 3,05%; đỗ quả tươi tăng 2,64%; rau dạng quả, củ tăng 1,83%.

- Giá thịt lợn tăng 0,25%, tính đến ngày 28/10/2024, giá thịt lợn hơi dao động từ 59.000-63.000 đồng/kg. Theo đó, giá mỡ động vật tăng 0,85%.

- Giá thịt gia cầm tăng 0,2%, trong đó giá thịt gà tăng 0,31%; thịt gia cầm khác tăng 0,02%. Bên cạnh đó, giá trứng các loại tăng 0,18%.

- Giá thủy sản tươi sống tăng 0,36% do nhu cầu tăng, sản lượng khai thác giảm khi vào mùa mưa bão, tàu thuyền hạn chế ra khơi đánh bắt nên sản lượng đánh bắt thủy hải sản giảm. Trong đó, giá tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,83%; cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,21%; thủy sản tươi sống khác tăng 0,11%.

- Giá quả tươi, chế biến tăng 1,45%, trong đó giá chuối tăng 2,45%; quả tươi khác tăng 1,89%; xoài tăng 1,01%.

- Giá đồ gia vị tăng 0,36%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,32%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,23%; sữa, bơ, phô mai tăng 0,21%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,19%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 10/2024 tăng 0,19% do giá lương thực, thực phẩm tăng và trong tháng có ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 nên nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng. Trong đó, giá đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,42% so với tháng trước; giá ăn ngoài gia đình và giá uống ngoài gia đình cùng tăng 0,15%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,11%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 10/2024 tăng 0,11% do chi phí nhân công và tỷ giá tăng. Cụ thể: Giá nước khoáng tăng 0,27%; thuốc hút tăng 0,23%; nước quả ép tăng 0,15%; bia chai tăng 0,13%; rượu các loại tăng 0,06%.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,09%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Mười tăng 0,09% do nhu cầu mua sắm tăng khi thời tiết chuyển mùa. Trong đó, giá dịch vụ giày, dép tăng 0,32%; dịch vụ may mặc tăng 0,25%; may mặc khác tăng 0,18%; vải các loại tăng 0,12%; quần áo may sẵn tăng 0,1%; mũ nón tăng 0,06%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,11%)¹

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 10/2024 tăng 0,11% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá gas tăng 1,17%, nguyên nhân là từ ngày 01/10/2024, giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới.

- Giá dầu hỏa tăng 1% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá thuê nhà tăng 0,73% do chi phí dịch vụ tăng lên sau thời gian dài nâng cấp và sửa chữa chất lượng nhà cho thuê.

- Nước sinh hoạt tăng 0,24% do nhu cầu tiêu dùng tăng.

Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 2,02% do thời tiết mát nên nhu cầu tiêu dùng giảm.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,2%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 10/2024 tăng 0,2% do nhu cầu tiêu dùng tăng và nhiều chương trình khuyến mại tại một số địa phương đã kết thúc. Trong đó, giá bàn là điện tăng 1,27%; máy hút bụi tăng 0,68%; bình nước nóng nhà tắm tăng 0,67%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,58%; đồ nhựa và cao su tăng 0,42%; dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,25%; thuê đồ dùng trong gia đình tăng 0,24%; xà phòng, chất tẩy rửa và vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,22%; thuê người phục vụ tăng 0,19%; đồng hồ treo tường, để bàn, gương tăng 0,14%; hàng dệt trong nhà tăng 0,12%; đồ điện tăng 0,08%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,05%.

¹ Trong đó, chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 10/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 9/2024.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,02%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng Mười tăng 0,02% do thời tiết chuyển giao giữa hai mùa, bệnh cảm cúm, đường hô hấp gia tăng nên nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Trong đó, thuốc đường tiêu hóa tăng 0,25%; thuốc tim mạch tăng 0,09%; thuốc giảm đau, thuốc hạ sốt tăng 0,07%; thuốc vitamin và khoáng chất tăng 0,01%.

7. Giao thông (+0,66%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 10/2024 tăng 0,66% tác động làm tăng CPI chung 0,06 điểm phần trăm, chủ yếu do:

- Giá dầu diezen tăng 2,27%; giá xăng trong nước tăng 0,98% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 32,75% do nhu cầu của người tiêu dùng tăng; giá phụ tùng khác của xe đạp tăng 0,48% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; sửa chữa xe máy tăng 0,45%; sửa chữa xe đạp tăng 0,27%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,25%; lốp, săm xe đạp tăng 0,21%; lốp, săm xe máy tăng 0,19%.

Bên cạnh đó, có một số mặt hàng giảm giá: Giá xe ô tô mới và giá vận tải hành khách bằng đường bộ cùng giảm 0,1%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,23%.

8. Bưu chính, viễn thông (-0,05%)

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng Mười giảm 0,05%. Trong đó, phụ kiện máy điện thoại thông minh và máy tính bảng giảm 0,46%; giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,28%; giá máy điện thoại di động thông thường giảm 0,17%. Ngược lại, giá sửa chữa điện thoại tăng 0,4% do chi phí nhân công tăng.

9. Giáo dục (+0,48%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Mười tăng 0,48%, trong đó giá dịch vụ giáo dục tăng 0,53% do một số trường mầm non tư thục, cao đẳng, nghề, trung cấp, đại học, sau đại học tăng học phí. Bên cạnh đó, một số địa phương cũng có chính sách miễn giảm học phí nhằm hỗ trợ cho người dân chịu ảnh hưởng của bão, lũ như Quảng Ninh, Hà Giang, Yên Bái... Ngoài ra, giá bút viết tăng 0,13%; giá văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,09%; giá sản phẩm từ giấy và sách giáo khoa cùng tăng 0,07%.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,09%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 10/2024 tăng 0,09% do trong tháng có ngày Phụ nữ Việt Nam nên nhu cầu mua hoa tăng cao, giá cây, hoa cảnh tăng 1,27%; xem phim, ca nhạc tăng 0,38%. Bên cạnh đó, giá báo các loại tăng 1,48%; giá đồ chơi trẻ em tăng 0,07%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,26%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 10/2024 tăng 0,26%. Trong đó, giá đồ trang sức tăng 4,67% theo giá vàng trong nước; dịch vụ chăm sóc người già tăng 0,69%; sửa chữa đồng hồ đeo tay tăng 0,51%; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng 0,46%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,4%.

12. Chỉ số giá vàng (+5,96%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 27/10/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.693,44 USD/ounce, tăng 4% so với tháng 9/2024. Giá vàng thế giới tăng do tình hình căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông ngày càng nghiêm trọng. Ngoài ra, xung đột kéo dài giữa Nga - Ukraine và những biến động ở bán đảo Triều Tiên đã làm gia tăng lo ngại về ổn định chính trị toàn cầu. Cùng với đó, việc các ngân hàng trung ương lớn như Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tiếp tục thực hiện các chính sách nới lỏng tiền tệ đã góp phần thúc đẩy đà tăng của giá vàng.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 10/2024 tăng 5,96% so với tháng trước; tăng 29,97% so với tháng 12/2023; tăng 38,88% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 27,48%.

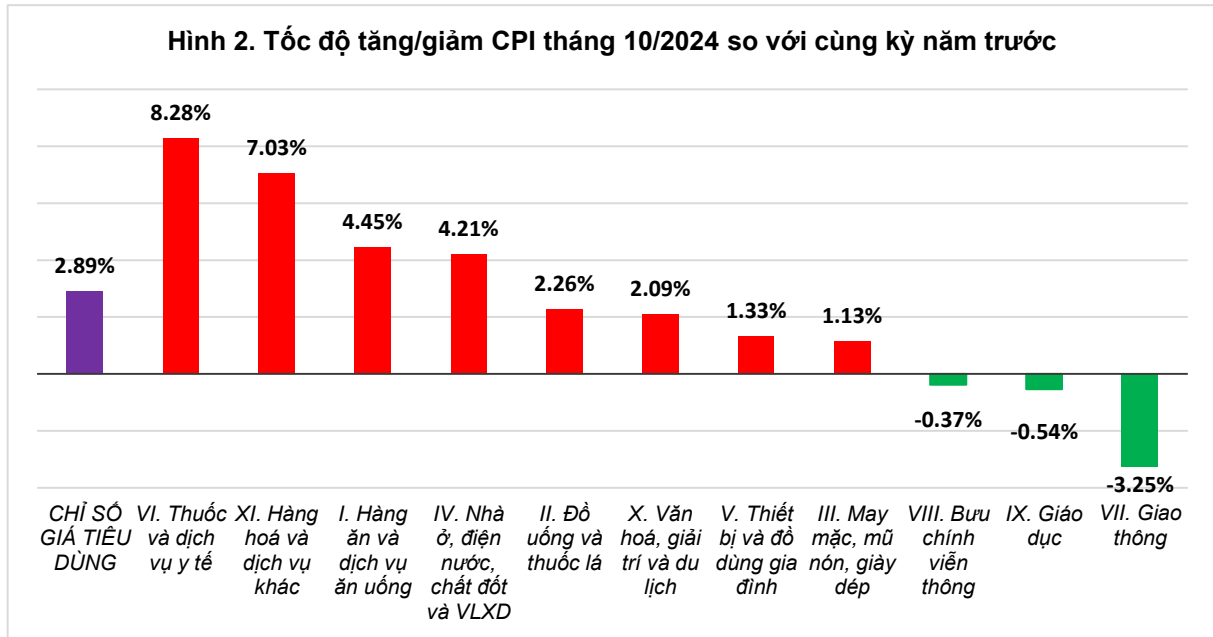
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,7%)

Tính đến ngày 27/10/2024, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 102,88 điểm, tăng 1,91% so với tháng trước do dữ liệu kinh tế Mỹ khả quan hơn dự báo, cùng với rủi ro địa chính trị leo thang ở các điểm nóng trên toàn cầu cũng là nhân tố thúc đẩy sự tăng giá của đồng USD. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.050 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2024 tăng 0,7% so với tháng trước; tăng 2,41% so với tháng 12/2023; tăng 1,89% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 5,1%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 10 từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CPI tháng 10 so với tháng trước	0,09	-0,20	0,15	0,08	0,33
CPI tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	2,47	1,77	4,30	3,59	2,89
CPI tháng 10 so với tháng 12 năm trước	0,09	1,67	4,16	3,20	2,52
CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	3,71	1,81	2,89	3,20	3,78

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 10/2024 tăng 2,89%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 08 nhóm tăng giá và 03 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 10/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 8,28%, tác động làm CPI chung tăng 0,45 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 7,03%, làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm. Trong đó, lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 17,87%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 6,15%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,9%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,65%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,45% làm CPI chung tăng 1,49 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 8,23%; thực phẩm tăng 4,06%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,81%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,21%, tác động làm CPI chung tăng 0,79 điểm phần trăm. Trong đó, nước sinh hoạt tăng 5,46%; điện sinh hoạt tăng 4,16%; nhà ở thuê tăng 4,21%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 3,81%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 3,3%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,26%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,09% làm CPI chung tăng 0,1 điểm phần trăm.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,13%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 5,76%; dịch vụ may mặc tăng 3,14%; mũ nón tăng 1,8%; vải các loại tăng 1,61%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,33%, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm. Trong đó, giường, tủ, bàn ghế tăng 2,09%; giá hàng thủy tinh, sành sứ tăng 2,03%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 1,62%; đồ dùng trong nhà tăng 1,54%.

Ở chiều ngược lại, có 03 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giao thông giảm 3,25%, tác động làm CPI chung giảm 0,31 điểm phần trăm, trong đó giá xăng, dầu giảm 13,54% và phương tiện đi lại giảm 0,14%.

- Nhóm giáo dục giảm 0,54%, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã miễn, giảm mức học phí.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,37% do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2023, CPI tháng Mười tăng 2,52%, trong đó có 08 nhóm hàng tăng giá và 03 nhóm hàng giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,35%, chủ yếu do bảo hiểm y tế tăng theo mức lương cơ sở mới; giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng trong nước.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,23% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,7%, trong đó chỉ số giá nước sinh hoạt tăng 5,25%; điện sinh hoạt tăng 4,59%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 3,77%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 2,84%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,02% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,93% do nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,91% do nhu cầu tăng vào dịp Lễ, Tết và mùa hè.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,23% do nhu cầu sử dụng tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,67%, trong đó giá dịch vụ giày dép tăng 5,38%; dịch vụ may mặc tăng 2,45%; vải các loại tăng 1,27%; giày dép tăng 0,89%.

Ở chiều ngược lại, có 03 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giao thông giảm 1,39% so với tháng 12/2023, chủ yếu do các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu trong năm. Trong đó, giá ô tô mới giảm 0,59% và giá xăng, dầu diezen giảm 7,4%.

- Nhóm giáo dục giảm 1,35% so với tháng 12/2023 do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Bên cạnh đó, một số địa phương có chính sách miễn giảm học phí cho học sinh các cấp học từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT... từ ngân sách địa phương.

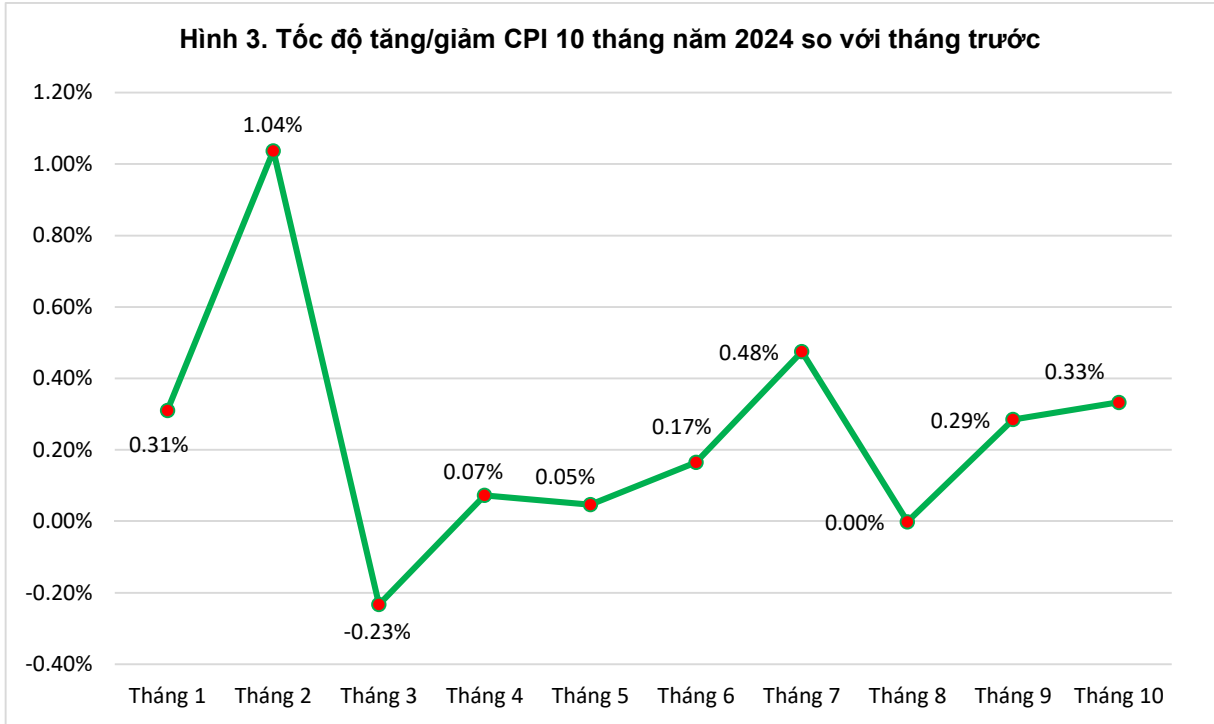
- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,29% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 10 THÁNG NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 3,78% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI 10 tháng năm 2024 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

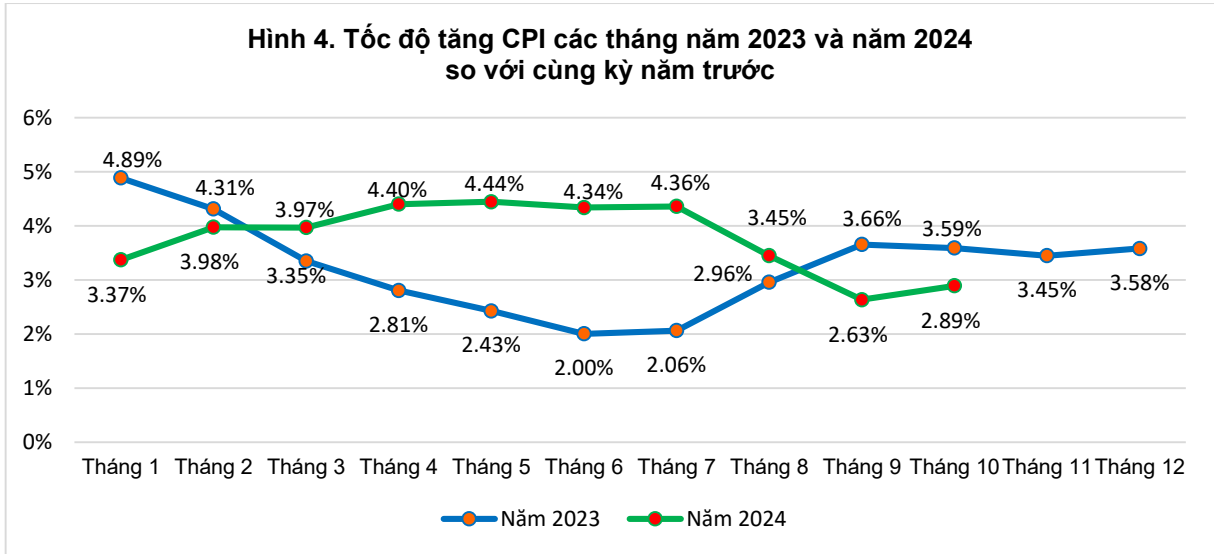
1. Diễn biến giá tiêu dùng 10 tháng năm 2024

1.1. Diễn biến CPI 10 tháng năm 2024 so với tháng trước



So với tháng trước, CPI tháng 01/2024 tăng 0,31% do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế, Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu. Sang tháng 02/2024, CPI tăng cao nhất 1,04% do là tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ của người dân tăng cao, giá gạo, giá xăng dầu tăng theo giá thế giới. Tháng 3/2024, CPI giảm 0,23% do nhu cầu của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán, đặc biệt là lương thực, thực phẩm. Từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024, CPI liên tục tăng lần lượt so với tháng trước là 0,07%; 0,05%; 0,17% và 0,48%, chủ yếu do giá gạo, thịt lợn, xăng dầu, điện sinh hoạt và bảo hiểm y tế tăng. Sang tháng 8/2024, chỉ số giá tiêu dùng ổn định so với tháng trước. Tháng 9/2024, CPI tăng 0,29% chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm tăng cao tại các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp bởi cơn bão số 3, số 4, hoàn lưu bão. Tháng 10/2024, CPI tăng 0,33% do giá lương thực, thực phẩm, giá xăng dầu trong nước tăng theo giá thế giới, giá nhà ở thuê tăng. Trong 10 tháng năm 2024, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,25% so với tháng trước.

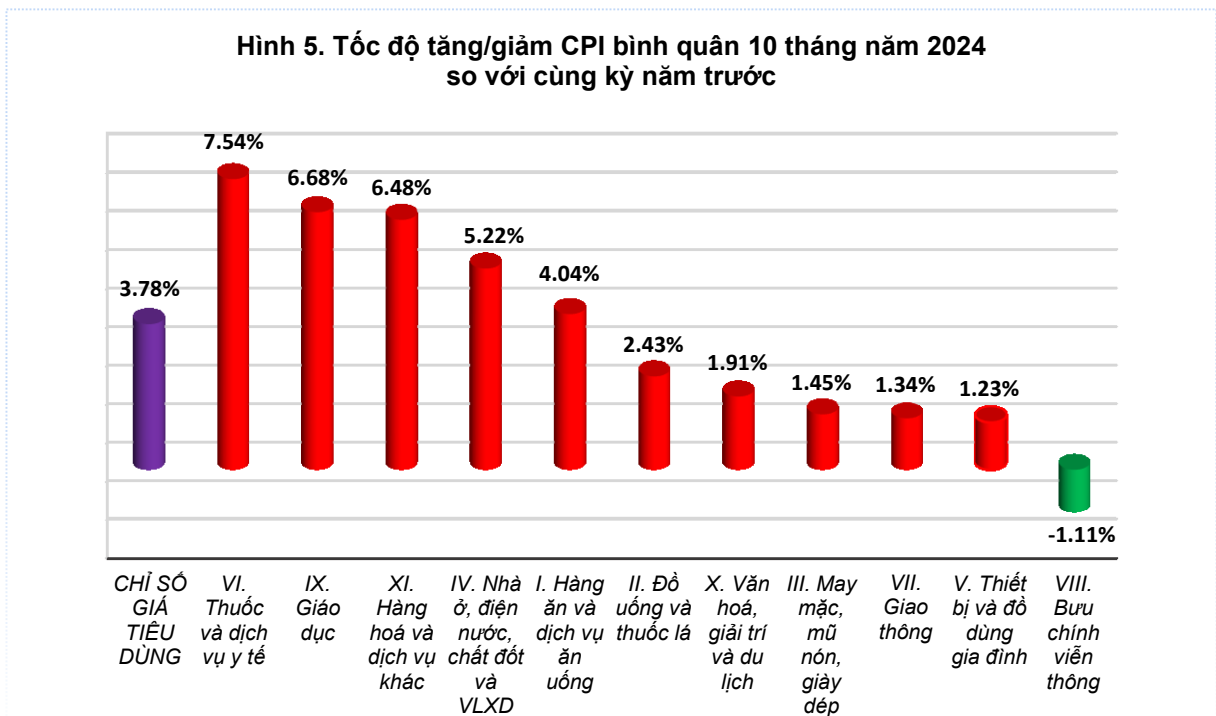
1.2. Diễn biến CPI 10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, ngược với năm 2023, CPI 5 tháng đầu năm 2024 có xu hướng tăng cao dần, từ mức 3,37% của tháng Một lên mức cao nhất 4,44% vào tháng Năm. Từ tháng Sáu đến nay, mức tăng CPI có xu hướng giảm dần, từ mức tăng 4,34% của tháng 6/2024 xuống còn tăng 2,89% vào tháng 10/2024.

Tính chung 10 tháng năm nay, CPI tăng 3,78% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng giá khi giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, thiên tai bão lũ và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết cùng với giá thịt lợn tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế và bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở.

2. Yếu tố làm tăng CPI 10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân 10 tháng năm 2024 tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,36 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá:

Nhóm lương thực tăng 13,61%, tác động làm CPI tăng 0,5 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 17,98% theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, làm CPI chung tăng 0,46 điểm phần trăm.

Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 4,01% do nhu cầu tiêu dùng và chi phí nhân công tăng.

Nhóm thực phẩm tăng 2,49%, làm CPI chung tăng 0,53 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,54%, tác động làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 6,68% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, tác động làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 7,68% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm; chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,58%, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt bình quân 10 tháng tăng 9,02% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 1,34%, tác động làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm.

3. Yếu tố làm giảm CPI 10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông 10 tháng năm 2024 giảm 1,11% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản² tháng 10/2024 tăng 0,23% so với tháng trước, tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,69% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,78%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

² CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Mười và 10 tháng từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với tháng trước	0,07	-0,17	0,45	0,09	0,23
Lạm phát cơ bản tháng 10 so với cùng kỳ năm trước	1,88	0,50	4,47	3,43	2,68
Lạm phát cơ bản 10 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,52	0,84	2,14	4,38	2,69

TỔNG CỤC THỐNG KÊ